

Trường Cộng Đồng St. Louis Park
6425 West 33rd Street St. Louis Park, MN 55426
Bản Báo Cáo Hạnh Kiểm của Học Sinh Mẫu Giáo

Tin nhắn cho Phụ Huynh:

Ban Văn Hóa của khu vực St. Louis Park sẵn sàng làm việc song song với tất cả các Phụ Huynh để đảm bảo một nền giáo dục tốt cho mọi trẻ. Nhiệm vụ của chúng tôi là sửa soạn cho các em một nền tảng giáo dục tốt, tự lập, ham biết, ân cần giúp đỡ cho người khác, và sẵn sàng dùng việc học của mình để thành công trong đời sống. Một điều để bảo đảm việc này sẽ xảy ra là qua việc kiểm tra sự học hỏi và hạnh kiểm củ học sinh trong năm học.

Việc học của học sinh được xác định qua sự cố gắng và kết quả của từng học sinh. Tờ báo cáo hạnh kiểm là sự xét đoán chính xác nhất của thầy cô của các em. Việc này được dựa trên nhiều điều kiện. Những điều kiện này bao gồm những bài tập và bài thi trong lớp. Nếu quý phụ huynh có thắc mắc gì về điểm hạnh kiểm xin liên lạc với thầy cô của các em.

Chúng tôi xin quý vị làm những việc sau đây:

- . Xem xét điểm hạnh kiểm của con em,
- . Khen ngợi khi học giỏi,
- . Giúp các em khi cần, và sẵn sàng hợp tác với thầy cô các em, khuyến khích các em trong việc học và sinh hoạt ở trường,
- . Đi họp thường xuyên với thầy cô,
- . Thăm viếng lớp học của các em,
- . Làm việc thiện nguyện tại trường.

Xả hội của chúng ta đều được ảnh hưởng tốt khi con em của chúng ta có điều kiện phát triển sự học của các em. Chúng tôi yêu cầu sự tiếp tục hợp tác của quý vị.

Barbara M. Pulliam, Ed.D.
Hiệu Trưởng

Giao tế, cách học, tự học- SOCIAL SKILLS. WORK HABITS AND SELF-DIRECTED LEARNING**N A E**

Tự học - <i>Works well independently</i>			
Tự mình giải quyết vấn đề - <i>Takes initiative to solve problems</i>			
Bắt đầu và kết thúc việc trong hạn định - <i>Begins and completes work on time</i>			
Theo chỉ dẫn - <i>Follows directions</i>			
Sắp xếp thì giờ, việc học và đồ dùng - <i>Organizes time, work and belongings</i>			
Tự kiểm - <i>Shows self-control</i>			
Chấp nhận trách nhiệm về phong tác của mình - <i>Accepts responsibility for own behavior</i>			
Kính trọng và hòa hợp với người khác - <i>Shows respect and cooperates with others</i>			
Chơi/Học với người khác - <i>Plays/works with a variety of people</i>			
Bắt đầu dùng lời hòa giải khi có chuyện bất đồng - <i>Begins to use discussion and compromise to resolve conflicts</i>			
Chọn việc làm chính xác và luôn kết thúc - <i>Makes appropriate choices and follows through</i>			
Luôn luôn cố gắng - <i>Consistently puts forth best effort</i>			
Biểu trưng thái độ tốt cho bản thân và trường học - <i>Shows positive attitude toward self and school</i>			
Luôn chấp nhận thử thách và học hỏi qua kinh nghiệm - <i>Accepts challenges and learns from experience</i>			
Lời chú thích - <i>Comments:</i>			

Phát triển về việc học - ACADEMIC DEVELOPMENT**Nghe / nói - Speaking/Listening**

Luôn hỏi câu hỏi chính xác khi không hiểu- <i>Asks appropriate questions to gain information</i>			
Nêu lên ý chính xác khi học chung nhóm- <i>Shares relevant information in group discussion</i>			
Phát biểu ý kiến rõ ràng - <i>Expresses thoughts clearly</i>			
Diễn tả bằng lời nói - <i>Uses descriptive language</i>			
Chú ý khi bàn luận trong nhóm - <i>Attentive to group discussion</i>			
Lắng nghe thầy cô và bạn cùng lớp khi nói không cắt ngang- <i>Listens to classmates and adults without interrupting</i>			
Chú thích - <i>Comments:</i>			

Đọc / Viết - Reading/Writing

Biểu hiện thái độ ham thích cho nhiều loại sách - <i>Shows a positive attitude to a variety of literature</i>			
Hiểu rõ căn bản của chữ hoa, chữ thường, câu, từ trái qua phải - <i>Understands basic concepts of print: letters, words, sentences, left to right</i>			
Có thể đánh vần chữ- <i>Able to rhyme words</i>			
Nhận biết được chữ hoa và chữ thường - <i>Recognizes upper and lower case letters</i>			
Hiểu biết được vần phụ âm- <i>Knows consonant sounds</i>			
Cố gắng và biểu hiện ý ham muốn trong môn viết - <i>Puts forth effort and shows a positive attitude toward writing</i>			
Viết chữ thường rõ ràng và đúng - <i>Writes legibly and forms lower case letters correctly</i>			
Viết chữ cái theo thứ tự: Chữ hoa___ Chữ thường___ - <i>Writes the alphabet in order: upper case__ lower case__</i>			
Áp dụng vần phụ âm khi viết - <i>Applies consonant sounds to writing</i>			
Chú thích: - <i>Comments:</i>			

T toán - Math**N A E**

Có cố gắng và biểu hiện ý ham muốn về toán - <i>Puts forth effort and shows a positive attitude toward mathematics</i>			
Biết được hình dạng và làm theo kiểu mẫu - <i>Recognizes, extends and creates patterns</i>			
Đếm đến số 125 - <i>Counts to 125</i>			
Nhận dạng được đến số 100 - <i>Recognizes numbers to 100</i>			
Viết được đến số 100 - <i>Writes numbers to 100</i>			
Đếm ngược từ 25 đến 0 - <i>Counts down from 25 to 0</i>			
Chú thích - <i>Comments:</i>			

Xã hội học - Social Studies

Có cố gắng và biểu hiện ý ham muốn trong môn xã hội - <i>Puts forth effort and shows a positive attitude toward social studies</i>			
Hiểu rõ nội dung và đề tài - <i>Understands content of grade-level topics and units</i>			
Chú thích - <i>Comments:</i>			

Khoa học - Science

Có cố gắng và biểu hiện ý ham muốn về môn khoa học - <i>Puts forth effort and shows a positive attitude toward science</i>			
Hiểu rõ nội dung và đề tài - <i>Understands content of grade-level topics and units</i>			
Suy xét theo kiểu cách khoa học (Xem xét, diễn tả, sắp loại) - <i>Uses scientific thinking (observes, describes, sorts and classifies)</i>			
Chú thích - <i>Comments:</i>			

Y tế- Health

Có cố gắng và biểu hiện ý ham muốn về môn Y tế - <i>Puts forth effort and shows a positive attitude toward health</i>			
Chứng tỏ có trách nhiệm về sức khỏe, an toàn và vệ sinh - <i>Demonstrates responsible attitudes toward personal health, safety and hygiene</i>			
Chú thích - <i>Comments:</i>			

Nghệ thuật - Visual Art

Có cố gắng và biểu hiện ý ham muốn về môn nghệ thuật- <i>Puts forth effort and shows a positive attitude toward art</i>			
Chuyển đạt ý qua sự học - <i>Conveys ideas through creative experiences</i>			
Chú thích - <i>Comments:</i>			

N – Cần cố gắng hơn - *Needs improvement***A** – Đạt được điểm trung bình - *Acceptable, meets grade-level expectations***E** – Hơn điểm trung bình - *Exceeds grade-level expectations*Dấu ghi - *Marking Key:*Giữa năm - *Mid year* – **X**Cuối năm - *Year End* - **O**

Môn âm nhạc và thể dục được ghi báo riêng bởi các thầy cô liên hệ và sẽ được đính kèm riêng với bản báo cáo này - *Music and Physical Education are reported separately by the appropriate teachers on a special insert accompanying this card.*

Hiện diện nửa năm đầu - *First Semester Attendance*

Ngày có mặt - *Days Present* _____

Ngày vắng mặt - *Days Absent* _____

Ngày đi trễ - *Times Tardy* _____

Chú thích - *Additional Comments:*

Hiện diện nửa năm cuối - *Second Semester Attendance*

Ngày có mặt - *Days Present* _____

Ngày vắng mặt - *Days Absent* _____

Ngày đi trễ - *Times Tardy* _____

Học sinh này đã được sắp vào lớp _____ Cho niên học 20 _____ – 20 _____
This student has been assigned to Grade for the school year

Chữ ký của Thầy, Cô - *Teacher Signature*